

Bản tin Phân tích kỹ thuật

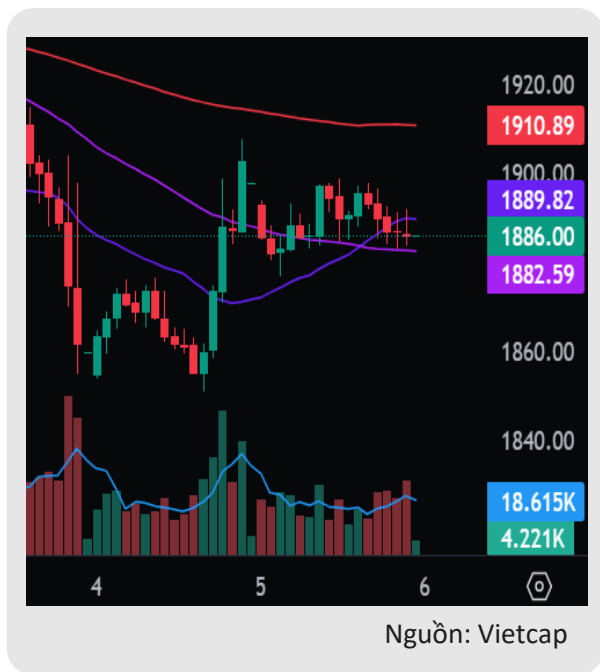
05/11/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111FB000 vận động đi ngang phần lớn thời gian trong ngày. Dự báo hợp đồng này sẽ tăng giá sau khi tiếp cận khu vực 1.882 điểm (MA50). (M15)
- Vị thế mua được mở với mục tiêu là vùng 1.897 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 1.875 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua (B): 1882 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.897 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.875 điểm

Quan điểm kỹ thuật



- Chỉ số VN-Index vận động đi ngang sau phiên tăng mạnh, thanh khoản giảm đột ngột cho thấy sự do dự ở hoạt động mua và hoạt động bán quanh vùng giá cao. Các rổ chỉ số VN-Index, VN30, VNMidcap và VNSmallcap đều diễn biến tương đồng trong phiên và giữ tín hiệu Trung tính trong ngắn hạn.
- Nhìn chung, phần lớn cổ phiếu Ngân hàng đều duy trì đà hồi phục có được từ phiên tăng 04/11. Tuy nhiên, áp lực điều chỉnh trở lại trên nhiều cổ phiếu Bất động sản và Chứng khoán. Về hoạt động giao dịch, hoạt động mua tăng mạnh ở nhóm Dầu khí và không ghi nhận lực cung giá cao bất thường trên tất cả các nhóm ngành còn lại.
- Tín hiệu hồi phục về vùng giá 1.675-1.700 điểm vẫn duy trì trên VN-Index. Vùng 1.645 (+/- 5) điểm tiếp tục đóng vai trò hỗ trợ đà tăng trong ngày. Các vị thế mở mới ở phiên 04/11 sẽ về tài khoản trong phiên 06/11 và nhiều khả năng sẽ tạo nên các nhịp giảm trong ngày. Chúng tôi cho rằng các hoạt động điều chỉnh trong phiên tạo điều kiện mở mới các vị thế trên nhóm Ngân hàng và Chứng khoán quanh vùng giá thấp với ngưỡng dừng lỗ là 1.600 điểm.

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	206,500	2.74%	-2.59%	795,648	3.556	2,287	5.5	90.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	51,300	2.70%	3.32%	275,481	1.216	6,208	1.6	8.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	63,000	4.13%	4.65%	152,016	1.026	5,014	2.3	12.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	34,100	-2.57%	-6.32%	241,641	-1.015	3,112	1.5	11.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	60,800	1.16%	0.16%	508,025	0.967	4,202	2.3	14.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	38,650	1.98%	2.25%	271,376	0.877	3,781	1.7	10.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	100,900	-2.32%	-0.79%	171,884	-0.652	5,280	4.8	19.1	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HPG	26,300	-1.68%	-3.49%	201,865	-0.555	1,876	1.6	14.0	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
HVN	31,700	3.43%	-2.46%	98,634	0.552	3,765	17.6	8.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	16,800	3.07%	-2.33%	84,123	0.422	413	1.5	40.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	99,600	-0.60%	-4.05%	409,098	-0.400	6,133	1.9	16.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	80,200	-1.96%	-4.64%	118,572	-0.379	3,955	3.8	20.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VRE	32,500	-2.99%	-9.60%	73,850	-0.360	2,144	1.6	15.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACB	25,600	-1.54%	0.79%	131,498	-0.330	3,385	1.4	7.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VPB	29,250	-0.85%	-2.01%	232,067	-0.321	2,603	1.5	11.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	85,900	5.40%	4.50%	77,292	1.175	4,851	6.5	17.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	34,100	5.90%	6.90%	16,299	0.271	3,040	1.1	11.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVB	14,100	-2.76%	-5.37%	27,137	-0.211	-3,963	4.0	-3.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DTK	11,600	-9.38%	-0.85%	7,920	-0.209	1,116	0.9	10.4	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	29,600	-2.63%	-1.00%	19,498	-0.144	1,667	2.8	17.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	78,800	-2.48%	10.36%	18,458	-0.129	5,156	2.1	15.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PTI	42,000	7.69%	21.74%	5,065	0.110	2,493	2.0	16.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CEO	24,500	-2.39%	-9.59%	13,902	-0.094	360	2.3	68.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
HUT	18,300	1.67%	7.02%	19,550	0.092	488	1.8	37.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
KSV	158,900	-1.00%	-3.46%	31,780	-0.089	9,526	6.9	16.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MCH	186,900	2.35%	20.66%	200,717	0.955	7,722	12.6	24.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DNH	39,100	-15.00%	-30.18%	17,099	-0.518	2,417	14.1	16.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VGI	77,200	0.92%	10.13%	235,040	0.434	3,046	6.2	25.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CC1	30,500	-8.68%	0.33%	12,076	-0.212	892	2.8	34.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	54,900	0.37%	0.00%	197,092	0.146	2,971	3.0	18.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PHS	15,000	14.50%	14.50%	3,000	0.088	367	1.4	40.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAP	26,100	6.10%	6.10%	5,339	0.066	-1,736	2.6	-13.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
OIL	11,000	2.80%	3.77%	11,332	0.064	384	1.1	28.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
FOX	63,900	0.63%	-5.33%	46,419	0.059	4,405	4.5	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VEA	41,800	0.48%	4.24%	55,703	0.054	5,767	1.8	7.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

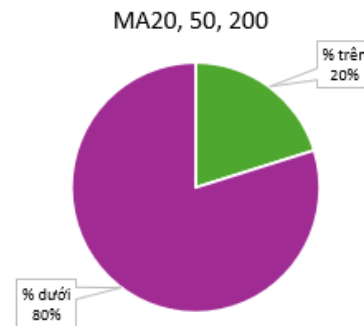
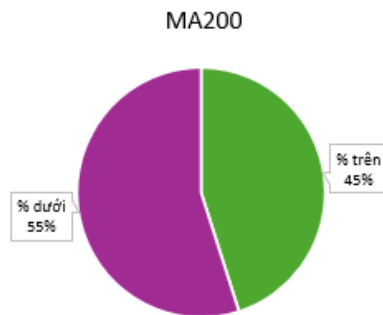
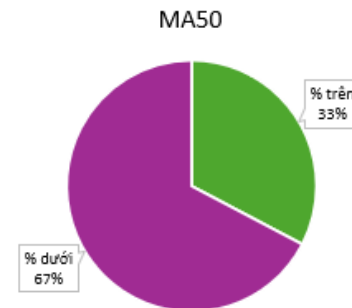
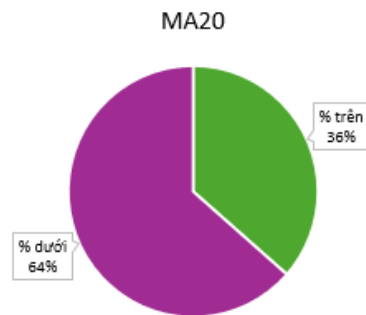
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MCH	186,900	2.4%	235.4	72.7	105,000	182,600	12.6	24.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	41,800	0.5%	49.9	19.1	35,500	41,600	1.8	7.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PTI	42,000	7.7%	9.2	0.7	19,668	39,000	2.0	16.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ICT	21,000	1.7%	10.2	2.1	10,488	20,650	1.1	20.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NAG	8,500	-9.6%	10.1	8.3	9,400	16,900	0.7	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BNA	7,900	9.7%	9.1	1.3	6,400	10,900	0.4	4.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVC	11,500	7.5%	42.2	10.2	7,400	13,300	1.0	283.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PTI	42,000	7.7%	9.2	0.7	19,668	39,000	2.0	16.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ICT	21,000	1.7%	10.2	2.1	10,488	20,650	1.1	20.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVB	31,500	3.6%	22.3	3.2	21,600	35,500	1.6	14.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			05/11/2025	04/11/2025	03/11/2025	31/10/2025	30/10/2025	29/10/2025	28/10/2025	27/10/2025	24/10/2025	23/10/2025
VNINDEX	MA200	Trên	53%	54%	53%	54%	55%	56%	52%	49%	49%	49%
		Dưới	47%	46%	47%	46%	45%	44%	48%	51%	51%	51%
	MA50	Trên	29%	27%	29%	33%	31%	29%	24%	24%	23%	23%
		Dưới	71%	73%	71%	67%	69%	71%	76%	76%	77%	77%
	MA20	Trên	39%	37%	35%	39%	42%	41%	30%	26%	24%	24%
		Dưới	61%	63%	65%	61%	58%	59%	70%	74%	76%	76%

VN30	MA200	Trên	80%	70%	67%	67%	67%	67%	67%	67%	67%	67%
		Dưới	20%	30%	33%	33%	33%	33%	33%	33%	33%	33%
	MA50	Trên	37%	27%	30%	30%	30%	27%	30%	20%	23%	23%
		Dưới	63%	73%	70%	70%	70%	73%	70%	80%	77%	77%
	MA20	Trên	40%	33%	27%	27%	40%	40%	40%	27%	33%	33%
		Dưới	60%	67%	73%	73%	60%	60%	60%	73%	67%	67%

HNX	MA200	Trên	47%	47%	46%	47%	47%	48%	45%	45%	44%	46%
		Dưới	53%	53%	54%	53%	53%	52%	55%	55%	56%	54%
	MA50	Trên	33%	35%	35%	36%	35%	35%	35%	34%	32%	32%
		Dưới	67%	65%	65%	64%	65%	65%	65%	66%	68%	68%
	MA20	Trên	47%	47%	46%	47%	47%	48%	45%	45%	44%	46%
		Dưới	53%	53%	54%	53%	53%	52%	55%	55%	56%	54%

UPCOM	MA200	Trên	35%	33%	33%	33%	32%	32%	29%	30%	28%	28%
		Dưới	65%	67%	67%	67%	68%	68%	71%	70%	72%	72%
	MA50	Trên	35%	34%	35%	35%	34%	33%	31%	33%	31%	30%
		Dưới	65%	66%	65%	65%	66%	67%	69%	67%	69%	70%
	MA20	Trên	41%	42%	42%	42%	41%	41%	40%	41%	40%	40%
		Dưới	59%	58%	58%	58%	59%	59%	60%	59%	60%	60%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 18		Tháng 11										Tháng 10									
		05 ↓	04	03	31	30	29	28	27	24	23	22	21	20	17	16	15	14	13	10	09
1	Bảo hiểm	72	83	68	62	62	53	53	50	46	41	35	28	31	35	35	36	37	42	47	50
2	Y tế	66	75	-	-	-	-	-	49	54	56	53	49	62	57	60	61	63	67	72	62
3	Viễn thông	58	63	68	68	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Dầu khí	57	52	53	48	41	39	38	39	41	39	35	31	33	37	37	30	33	37	46	41
5	Bất động sản	54	52	55	58	59	53	50	55	65	66	65	67	75	82	78	74	74	72	67	62
6	Thực phẩm và đồ uống...	54	54	54	54	55	51	47	45	46	47	47	45	49	52	53	54	56	61	61	62
7	Điện, nước & xăng d...	51	54	55	56	50	44	38	31	32	36	31	25	27	35	36	36	39	41	43	44
8	Bán lẻ	49	53	51	57	59	60	55	55	57	59	57	51	53	61	63	62	61	62	63	59
9	Hóa chất	49	49	50	51	49	42	36	34	33	34	29	23	26	29	30	32	34	39	40	37
10	Công nghệ Thông tin	48	54	57	58	52	48	43	35	30	29	29	20	14	14	16	18	21	24	29	30
11	Tài nguyên Cơ bản	48	47	46	46	49	45	43	43	45	49	49	44	46	50	51	52	52	56	59	58
12	Hàng cá nhân & Gia ...	46	49	52	50	46	43	44	37	30	28	27	22	24	29	28	27	28	32	33	31
13	Hàng & Dịch vụ Côn...	44	45	45	49	51	49	43	43	47	46	45	41	40	43	44	44	41	43	46	47
14	Ô tô và phụ tùng	41	39	39	43	42	41	37	36	35	35	34	34	29	32	34	32	34	37	40	41
15	Ngân hàng	40	38	38	44	49	47	43	44	49	52	54	53	61	68	74	73	74	77	77	74
16	Xây dựng và Vật liệu	40	42	44	48	47	42	42	44	47	51	51	52	56	59	55	55	58	62	63	62
17	Du lịch và Giải trí	36	37	39	41	44	44	47	47	48	47	47	45	47	53	56	58	58	59	54	54
18	Dịch vụ tài chính	25	23	24	28	32	32	31	30	39	44	47	48	53	60	60	59	60	62	61	62

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	77,200	0.9%	10.1%	235,040	6.2	25.4	3,046	51.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MCH	186,900	2.4%	20.7%	200,717	12.6	24.6	7,722	235.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	63,000	4.1%	4.7%	152,016	2.3	12.6	5,014	105.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BCM	67,200	0.3%	0.7%	69,552	3.2	18.8	3,576	16.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VEA	41,800	0.5%	4.2%	55,703	1.8	7.3	5,767	49.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HAG	17,250	2.1%	1.8%	21,863	1.7	12.6	1,370	335.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	18,300	1.7%	7.0%	19,550	1.8	37.5	488	126.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
PVS	34,100	5.9%	6.9%	16,299	1.1	11.2	3,040	567.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BMP	171,000	0.0%	0.6%	13,998	4.5	11.7	14,639	9.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	24,250	5.9%	18.6%	13,480	0.8	15.1	1,602	780.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHC	58,700	0.9%	0.7%	13,175	1.4	8.5	6,944	144.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
KOS	39,200	-0.3%	1.3%	8,486	3.6	561.9	70	15.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PAN	32,150	2.6%	3.0%	6,716	1.3	10.4	3,104	79.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TOS	143,900	2.1%	-1.9%	6,466	3.5	6.8	21,025	8.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PTI	42,000	7.7%	21.7%	5,065	2.0	16.8	2,493	9.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMI	20,400	-1.9%	2.8%	3,071	1.1	10.3	1,988	20.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NCT	112,000	0.6%	1.4%	2,931	3.7	8.6	13,043	5.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHI	14,900	-0.7%	2.4%	2,532	1.4	44.8	333	9.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DCL	34,500	-1.8%	11.5%	2,520	1.7	72.5	476	31.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TRC	77,600	0.0%	4.9%	2,328	1.1	6.6	11,743	7.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NAG	8,500	-9.6%	-29.8%	328	0.7	10.6	806	10.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	17,500	-1.7%	-2.5%	49,788	1.2	7.5	2,332	42.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HCM	23,050	-2.3%	-4.0%	24,893	2.3	16.0	1,439	176.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPI	54,100	-3.4%	-4.6%	17,315	3.4	47.1	1,149	79.9	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BWE	47,050	-0.7%	-5.7%	10,348	1.8	12.1	3,894	5.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
TDP	31,700	-5.5%	-11.2%	2,797	2.6	30.7	1,033	7.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính
YEG	12,200	-0.8%	-3.6%	2,340	1.1	15.1	806	8.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSB	18,100	-2.2%	-3.2%	2,071	0.8	15.4	1,172	9.8	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
AAS	9,000	-1.1%	-5.3%	2,067	0.8	12.8	703	10.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTI	22,750	-1.3%	-7.0%	1,433	0.9	10.9	2,087	7.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MST	5,600	1.8%	-3.4%	468	0.5	22.0	255	18.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	22,300	-0.9%	-3.9%	41,539	1.6	13.6	1,635	55.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCI	37,350	-3.0%	-1.3%	26,989	2.1	23.5	1,589	309.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	46,900	-2.2%	-2.5%	21,028	2.3	15.2	3,090	34.5	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
KDC	52,100	-2.6%	0.2%	15,099	2.3	185.9	280	12.9	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực
DBC	25,800	-2.1%	-3.6%	9,930	1.3	6.2	4,150	57.2	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
HNG	5,900	0.0%	-7.8%	6,442	4.0	-5.8	-1,005	9.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	54,900	-1.1%	-0.5%	5,209	3.3	7.6	7,183	13.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
AGR	15,950	-2.1%	-1.8%	3,642	1.4	23.4	683	7.0	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	28,100	0.2%	-1.9%	3,148	1.3	11.1	2,535	37.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	16,800	-1.18%	-3.72%	25,500	51.8%	178	1.4	94.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính
NVL	13,750	2.61%	1.48%	20,000	45.5%	(1,958)	0.7	-7.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	38,600	1.31%	1.85%	56,100	45.3%	4,849	2.2	8.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SZC	30,850	0.00%	-0.48%	42,400	37.4%	1,763	1.8	17.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
NLG	37,600	-1.57%	-2.21%	51,600	37.2%	2,192	1.9	17.2	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực
DXS	10,300	-1.44%	-6.36%	14,100	36.9%	639	0.9	16.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	46,900	-2.19%	-2.49%	64,100	36.7%	3,090	2.3	15.2	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	54,900	0.37%	0.00%	74,300	35.3%	2,971	3.0	18.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	34,950	-1.83%	1.60%	47,100	34.8%	857	2.2	40.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	26,300	-1.68%	-3.49%	35,300	34.2%	1,876	1.6	14.0	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
DGC	95,000	0.42%	0.64%	126,000	32.6%	8,296	2.3	11.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SIP	55,900	-0.18%	-1.24%	73,900	32.2%	5,474	2.7	10.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	34,100	5.90%	6.90%	45,000	32.0%	3,040	1.1	11.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DCM	35,950	2.71%	2.13%	46,600	29.6%	3,578	1.8	10.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
DXG	20,100	-0.25%	-4.06%	26,000	29.4%	401	1.6	50.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BMI	20,400	-1.92%	2.77%	26,200	28.4%	1,988	1.1	10.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	60,800	1.16%	0.16%	77,600	27.6%	4,202	2.3	14.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	43,450	-0.80%	-1.36%	55,200	27.0%	3,037	2.1	14.3	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	29,250	-0.85%	-2.01%	37,000	26.5%	2,603	1.5	11.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PC1	24,600	-0.40%	6.03%	31,100	26.4%	1,584	1.5	15.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn